

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
1	372301	Phạm Thị	Thuý	3723	16		8.00		79	1 750 000		1 750 000	Khá
2	372304	Đinh Thị Lan	Hương	3723	16	TCXH1	7.50		89		840 000	840 000	
3	372307	Lôi Thu	Hoài	3723	16	TCXH1	7.50		89		840 000	840 000	
4	372316	Quách Thị	Yên	3723	16	TCXH1	7.31		88		840 000	840 000	
5	372324	Trần Quỳnh	Trang	3723	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
6	372330	Lê Hưng	Tứ	3723	16		8.19		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
7	372361	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	3723	16		8.38		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
8	372365	Đào Nguyễn Ngọc Tr	Anh	3723	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
9	372404	Phạm Thị	Dung	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
10	372407	Vũ Thị	Trang	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
11	372409	Mã Thị Phương	Lan	3724	15	TCXH1	8.20		88	2 000 000	840 000	2 840 000	Giỏi
12	372415	Phan Thị Như	Quỳnh	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
13	372416	Phạm Thanh	Huyền	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
14	372427	Nguyễn Thị	Hải	3724	15		8.00		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
15	372434	Nguyễn Mai	Anh	3724	15		8.20		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
16	372437	Vũ Thị	Hiên	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
17	372439	Nguyễn Hà Nhật	Chi	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
18	372440	Nguyễn Thị Thanh	Hương	3724	15		8.10		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
19	372444	Vũ Thị	Huyền	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
20	372445	Nguyễn Thị	Cách	3724	15		8.40		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
21	372448	Ngô Thị Tú	Anh	3724	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
22	372454	Trần Thị	Cúc	3724	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
23	372455	Nguyễn Quang	Huy	3724	15		8.00		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
24	372462	Nguyễn Thuý	Ngân	3724	15		8.40		94	2 000 000		2 000 000	Giỏi
25	372506	Phạm Thu	Trang	3725	15	TCXH1	1.00	5	15		840 000	840 000	
26	372510	Hà Thị	Liều	3725	15	TCXH1	7.40		88		840 000	840 000	
27	372564	Nguyễn Anh	Hiếu	3725	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
28	372602	Hoàng Thị Hoài	Xoan	3726	15	TCXH1	7.40		88		840 000	840 000	
29	372604	Lý Thị Phương	Lan	3726	15	TCXH1	7.40		87		840 000	840 000	
30	372609	Hoàng Thị Minh	Phượng	3726	15		8.00		87	2 000 000		2 000 000	Giỏi
31	372616	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	3726	15	TCXH1	7.80		87		840 000	840 000	
32	372617	Nguyễn Thị	Thành	3726	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
33	372621	Mai Diệp	Anh	3726	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
34	372628	Nguyễn Minh	Đức	3726	15		8.20		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
35	372660	Nguyễn Thu	Trang	3726	15		8.00		97	2 000 000		2 000 000	Giỏi
36	372717	Lê Thị Hà	Giang	3727	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
37	372722	Đinh Thị Kim	Liên	3727	15		8.20		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
38	372729	Phạm Thị Vân	Anh	3727	15		8.20		96	2 000 000		2 000 000	Giỏi
39	372752	Lê Thị	Thùy	3727	15		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
40	372758	Đặng Vũ Thùy	Linh	3727	19		8.74		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
41	372804	Trương Thị	Vàng	3728	15	TCXH1	7.60		87		840 000	840 000	
42	372825	Nguyễn Thị Hiền	Anh	3728	15		8.00		98	2 000 000		2 000 000	Giỏi
43	372828	Trần Thị Ngọc	ánh	3728	19		8.74		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
44	372835	Hoàng Thị Hương	Giang	3728	15	TCXH1	7.40		88		840 000	840 000	
45	372855	Lê Hồng Yến	Linh	3728	19		8.89		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
46	372865	Nguyễn Thị	Thu	3728	19		8.11		95	2 000 000		2 000 000	Giỏi
47	382304	Vũ Thu	Hà	3823	16		7.88		87	1 750 000		1 750 000	Khá
48	382313	La Thị	Thời	3823	16	TCXH1	6.44		84		840 000	840 000	
49	382348	Phan Thúy	Quỳnh	3823	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
50	382353	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	3823	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
51	382360	Bùi Thị Hà	Thu	3823	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
52	382371	Đinh Thị Thu	Huyền	3823	16		7.44		97	1 750 000		1 750 000	Khá
53	382372	Tiến Thị Thu	Huyền	3823	16		7.94		99	1 750 000		1 750 000	Khá
54	382405	Hà Thị	Thảo	3824	16	TCXH1	5.81	1	83		840 000	840 000	
55	382413	Khuất Thị	Hạnh	3824	16		7.13		84	1 750 000		1 750 000	Khá
56	382417	Ma Thị	Nương	3824	16	TCXH1	5.25	1	82		840 000	840 000	
57	382421	Đỗ Thị	Hoa	3824	16	TCXH1	6.19		86		840 000	840 000	
58	382442	Hoàng Minh	Luyến	3824	16	TCXH1	6.88		84		840 000	840 000	
59	382443	Nguyễn Thanh	Mai	3824	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
60	382444	Tô Thị Minh	Hồng	3824	16	TCXH1	5.38	1	82		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : Pháp luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
61	382446	Nguyễn Khắc Tuấn	Anh	3824	16		7.38		87	1 750 000		1 750 000	Khá
62	382451	Hà Thanh	Phúc	3824	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
63	382457	Hoàng Thị	Nường	3824	16	TCXH1	5.75		82		840 000	840 000	
64	382460	Trần Thanh	Tùng	3824	16	TCXH1	5.94	1	83		840 000	840 000	
65	382474	Nguyễn Hương	Mi	3824	16		7.25		94	1 750 000		1 750 000	Khá
66	382513	Hoàng Thị	Thương	3825	16		7.25		86	1 750 000		1 750 000	Khá
67	382520	Nông Thị	Dung	3825	16	TCXH1	7.13		88	1 750 000	840 000	2 590 000	Khá
68	382521	La Thị	Xuân	3825	16	TCXH1	6.00		86		840 000	840 000	
69	382535	Vương Thị	Ngân	3825	16	TCXH1	5.75	1	82		840 000	840 000	
70	382555	Hoàng Phương	Liên	3825	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
71	382570	Nguyễn Hồng	Thanh	3825	16		8.00		88	2 000 000		2 000 000	Giỏi
72	382576	Ngô Thục	Anh	3825	16		7.56		87	1 750 000		1 750 000	Khá
73	382601	Diệp Thị	Liên	3826	16	TCXH1	6.75		84		840 000	840 000	
74	382605	Lạc Hồng	Minh	3826	16	TCXH1	5.88		80		840 000	840 000	
75	382609	Hoàng Thị	Lan	3826	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
76	382626	Nguyễn Trung	Anh	3826	16		7.06		87	1 750 000		1 750 000	Khá
77	382641	Phạm Thị Diệu	Thu	3826	16		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
78	382645	Nguyễn Sơn	Hải	3826	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
79	382650	Lê Thị Huyền	Trang	3826	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
80	382668	Nguyễn Diệp	Nhi	3826	16		7.63		96	1 750 000		1 750 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : **Pháp luật kinh tế**

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
81	382672	Nguyễn Thị Thu	Trang	3826	16		7.13		96	1 750 000		1 750 000	Khá
82	382673	Trịnh Ngọc	Ly	3826	16		7.25		87	1 750 000		1 750 000	Khá
83	382703	Nông Thu	Hường	3827	16		7.25		83	1 750 000		1 750 000	Khá
84	382709	Phạm Thị Thu	Thảo	3827	16		7.00		87	1 750 000		1 750 000	Khá
85	382713	Nguyễn Thị	Lan	3827	16	TCXH1	5.94	2	80		840 000	840 000	
86	382721	Trần Việt	Hải	3827	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
87	382722	Lê Thị	Huế	3827	16		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
88	382726	Nguyễn Thị	Hồng	3827	16		7.44		87	1 750 000		1 750 000	Khá
89	382730	Nguyễn Thị	Hiếu	3827	16		7.13		88	1 750 000		1 750 000	Khá
90	382757	Nguyễn Mạnh	Hà	3827	16	TCXH1	5.13	1	82		840 000	840 000	
91	382762	Hoàng Mai	Linh	3827	16		7.00		85	1 750 000		1 750 000	Khá
92	382768	Hoàng Anh	Đức	3827	16		7.13		87	1 750 000		1 750 000	Khá
93	382803	Bùi Hồng	Tiết	3828	16	TCXH1	5.63	2	81		840 000	840 000	
94	382805	Lường Thị An	Quyên	3828	16	TCXH1	5.94		78		840 000	840 000	
95	382809	Hứa Thảo	Mai	3828	16	TCXH1	6.69		80		840 000	840 000	
96	382812	Lường Ngọc	Hùng	3828	16	TCXH1	6.56		90		840 000	840 000	
97	382813	Lê Thùy	Trang	3828	19	TCXH1	6.83		92		840 000	840 000	
98	382814	Mai Linh	Chi	3828	16		7.19		96	1 750 000		1 750 000	Khá
99	382818	Đỗ Thị	Lương	3828	16	TCXH1	5.38	1	76		840 000	840 000	
100	382821	Hà Thị	Quyên	3828	16	TCXH1	5.81		78		840 000	840 000	

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ : I

NĂM HỌC : 2013 - 2014

Khoa : **Pháp luật kinh tế**

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng KKHT	Tiền TCXH	Tổng cộng	Xếp loại học bổng
101	382841	Lương Văn	Tuấn	3828	16	TCXH1	5.38	2	82		840 000	840 000	
102	382846	Đỗ Diệu	Linh	3828	16		7.00		95	1 750 000		1 750 000	Khá
103	382848	Trần Thị Thu	Thủy	3828	16		7.19		85	1 750 000		1 750 000	Khá
104	382861	Nhiếp Thị	Lan	3828	16		7.63		87	1 750 000		1 750 000	Khá
105	382865	Trần Thị	Huyền	3828	16		7.44		85	1 750 000		1 750 000	Khá
		Tổng								136 750 000	28 560 000	165 310 000	

Hà Nội, Ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

TS Phan Chí Hiếu